

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2019/HC-ST

Ngày: 11-6-2019

*V/v Khiếu kiện QĐ hành chính
trong lĩnh vực quản lý nhà nước
về đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Long
2. Bà Đinh Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Phạm Thế Mỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019; tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HC ngày 24-1-2019, về việc “*Khiếu kiện QĐ hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai (yêu cầu hủy sổ đỏ)*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HC ngày 13-5-2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST-HPT ngày 28-5-2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Trương Thị Ngọc T, sinh năm 1976

Địa chỉ: thôn 10, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng(*có mặt*)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện D

Địa chỉ: Số 5 đường T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình S, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức C, chức vụ: Phó Chủ tịch (*theo giấy ủy quyền số 25/UQ-UBND ngày 15/2/2019*) (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mai Thị P, trú tại: 137 thôn 3, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (*vắng mặt*)

2. Ông Phạm Công C; bà Đoàn Thị T, trú tại: 110 thôn 10, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng(*vắng mặt*)

3. Ông Hoàng Công P; bà Nguyễn Thị H, trú tại: 117b, thôn 10, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng(*có mặt*)

4. Ông Nguyễn Huy T, bà Hoàng Thị T; trú tại: thôn 10, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng*(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

5. Bà Sú Cẩm L, trú tại: 117a, thôn 10, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt)*

6. Ngân hàng TMCP S– chi nhánh Lâm Đồng – PGD D, địa chỉ: 671 đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Phạm Thị Thu H, chức vụ Giám đốc

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Kim T, chức vụ Trưởng Phòng giao dịch D; có đơn xin xét xử vắng mặt *(theo giấy ủy quyền số 151/2019/GUQ-CNLĐ ngày 02/5/2019) (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 24-12-2018, đơn xin rút một phần đơn khởi kiện ngày 10/4/2019, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện bà Trương Thị Ngọc T trình bày:*

Diện tích thửa đất số 24, tờ bản đồ số 29 đo đạc năm 2015 xã L; nguồn gốc đất do bố đẻ của bà T là ông Trương Văn H tự khai phá và quản lý sử dụng, sau khi bố bà chết ngày 10/5/2014 *(giấy chứng tử số 05/2015 quyển số 01/2012)* anh chị em bà T đã thỏa thuận phân chia tài sản *(được UBND xã L chứng thực ngày 21/8/2015)*; thửa đất trên do bà quản lý sử dụng và chưa được cấp sổ đỏ. Đến tháng 3/2018, bà T có đơn khiếu nại đến UBND huyện D thì được UBND huyện trả lời bằng công văn số 437/UBND-TD ngày 16-3-2018 cho biết UBND huyện D đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu AĐ 775830 ngày 4/7/2006 tại thửa đất số 456 tờ bản đồ số 28 đo đạc năm 1995, xã L cho bà Mai Thị P. Sau đó, bà Mai Thị P đã lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Phạm Công C và bà Đoàn Thị T *(được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu AM 887100, diện tích 336m² đất ONT)*. Ngày 05/5/2012, thửa đất số 456 được tách thành 2 thửa: thửa đất số 503, 504 và ông Phạm Công C đã chuyển nhượng thửa đất số 503 cho ông Hoàng Công P và bà Nguyễn Thị H, UBND huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BA 794787 tại thửa đất số 503, diện tích 165m² đất ONT. Ngày 09/4/2012, ông Phạm Công C chuyển nhượng thửa đất số 504 cho ông Nguyễn Huy T và bà Hoàng Thị T, UBND huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BK 438355 tại thửa đất số 504, diện tích 171m² đất ONT. Ranh giới sử dụng đất giữa các hộ sử dụng đất ổn định không có tranh chấp và đã được chuyển nhượng, đăng ký biến động nên UBND huyện D không thể thu hồi hủy sổ đỏ được.

Hiện nay ông Nguyễn Huy T đã sang nhượng cho bà Sú Cẩm L. Do vậy, bà T yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BA 794787 đã được UBND huyện D cấp cho ông bà Hoàng Công P, Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BK 438355 đã được UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Huy T và vợ là bà Hoàng Thị T, nay đã được chuyển nhượng cho bà Sú Cẩm L.

** Theo ý kiến của đại diện người bị kiện UBND huyện D – ông Trần Đức C trình bày :*

Thửa đất số 456, tờ bản đồ số 28 xã L, diện tích 336m² do bà Mai Thị P, thường trú tại thôn 3, xã L tự khai phá năm 1993, quản lý, sử dụng và được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ số AĐ 775830 ngày 04/7/2006. Ngày 14/5/2008, bà Mai Thị P chuyển quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất nêu trên cho ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã L chứng thực ngày 14/5/2008, theo số 97 quyền số 01 năm 2008/TP/CC-SCT/HĐGD. Ngày 11/6/2008, ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ số AM887100.

Ngày 07/4/2010, ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T chuyển quyền sử dụng đất một phần thửa đất số 456, tờ bản đồ số 28 (thửa đất mới 503), diện tích 165m² cho ông Hoàng Công P, bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã L chứng thực ngày 04/4/2010, theo số 39 quyền số 01 năm 2010/TP/CC-SCT/HĐGD. Và ngày 21/5/2010, ông Hoàng Công P, bà Nguyễn Thị H được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ số BA 749787.

Và đến ngày 03/4/2012, ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T chuyển quyền sử dụng đất phần còn lại thửa đất số 456, tờ bản đồ số 28 (*thửa đất mới 504*), diện tích 171m² cho ông Nguyễn Huy T, bà Hoàng Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng D công chứng ngày 03/4/2012, theo số 959 quyền số 03/TP/CC-SCT/HĐGD. Và ngày 25/4/2012, ông Nguyễn Huy T, bà Hoàng Thị T được UBND huyện D cấp GCNQSDĐ số BK438355.

Tuy vậy, qua kiểm tra thực địa và kết quả lồng ghép giữa hai hệ thống bản đồ được đo đạc năm 1995 và năm 2016 thì phần diện tích đất bà Trương Thị Ngọc T đang quản lý sử dụng (*thửa 24, tờ bản đồ 29*) thuộc một phần thửa đất số 456, tờ bản đồ số 28 đo năm 1995 đã cấp GCN cho bà Mai Thị P và đã thực hiện xong thủ tục chuyển quyền sử dụng đất; do vậy, đề nghị Tòa án tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết vụ việc theo thẩm quyền theo Điểm d, Khoản 2, Điều 106 Luật Đất đai 2013 và Khoản 5, Khoản 6 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Theo văn bản của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Công P, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 503, tờ bản đồ số 28 có diện tích 165m² xã L, D là do ông bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T năm 2009. Khi mua bán chỉ có giấy tờ viết tay có người làm chứng, không có cơ quan nhà nước xác nhận. Từ khi mua đến nay, gia đình ông bà không xảy ra tranh chấp với ai kể cả bà T. Nhà bà T cách nhà ông bà một căn. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị cơ quan nhà nước cấp sổ đỏ đúng với thực trạng các hộ đang sử dụng.

Theo văn bản của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Sú Cẩm L trình bày:

Bà mua thửa đất 504, tờ bản đồ số 28 tại xã L có diện tích 171m² của vợ chồng ông Nguyễn Huy T, bà Hoàng Thị T vào tháng 7/2018. Khi mua chỉ làm giấy tờ viết tay không có xác nhận của chính quyền địa phương. Khi mua không xảy ra tranh chấp với các hộ liền kề. Nhà bà nằm giữa nhà ông Phúc, bà Huệ và nhà bà T. Khoảng cuối năm 2018, bà Lìn đã thế chấp sổ đỏ mang số hiệu BK 438355 tại ngân hàng S – phòng giao dịch D với số tiền một trăm bốn mươi triệu đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị cơ quan nhà nước cấp sổ đỏ đúng với thực trạng các hộ đang sử dụng.

Theo biên bản lấy lời khai của bà Mai Thị P trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 456 tờ bản đồ 28, xã L huyện D là bà nhận chuyển nhượng của UBND xã L thời gian bà không còn nhớ. Sau khi nhận chuyển nhượng khoảng 5 đến 6 năm sau thì đăng ký cấp sổ đỏ. Bà không sử dụng, trồng trọt gì trên đất và cũng không tranh chấp với ai. Sau đó, bà chuyển nhượng cho ông Sơn, không làm hợp đồng theo quy định. Sau này, ông Sơn chuyển nhượng cho ai thì bà không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo văn bản của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch D – ngân hàng S trình bày:

Bà Sú Cẩm L có thế chấp toàn bộ hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 504, tờ bản đồ số 28 tọa lạc tại thôn 10, xã L, huyện D có sổ đỏ số BK 438355 tại hợp đồng tín dụng số LD 1831600550, mở ngày 12/11/2018 với số tiền vay 140.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm và hợp đồng tín dụng trên vẫn còn hiệu lực.

Về việc hủy sổ đỏ BK 438355 do UBND huyện D cấp ngày 25/7/2012, ngân hàng thực hiện thế chấp quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật (*thông qua văn phòng công chứng và văn phòng đăng ký đất đai huyện D*) nên không đồng ý việc hủy sổ đỏ trên.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức đối thoại nhưng không được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BA 794787 đã được UBND huyện D cấp cho ông bà Hoàng Công P, Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BK 438355 đã được UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Huy T và vợ là bà Hoàng Thị T, nay đã được chuyển nhượng và đã đăng ký biến động tại trang tư cho bà Sú Cẩm L.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện D – ông Trần Đức C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có bản trình bày: Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông bà Hoàng Công P, Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Huy T và vợ là bà Hoàng Thị T, nay đã được chuyển nhượng cho bà Sú Cẩm L là đúng theo quy định của Luật đất đai và việc chuyển nhượng đã được thực hiện

theo quy định. Tuy nhiên, do việc đo đạc bản đồ không chính xác về các thửa đất qua các thời kỳ dẫn đến việc cấp sổ đỏ không đúng thực thể các hộ đang quản lý sử dụng; tuy nhiên diện tích đã được cấp sổ đỏ, sau đó đã chuyển quyền sử dụng đất và được cơ quan có thẩm quyền cho phép đăng ký biến động và được cấp sổ đỏ nên UBND huyện D không thu hồi được, đề nghị tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị P, ông Nguyễn Huy T, bà Hoàng Thị T, đại diện theo ủy quyền ngân hàng S – phòng giao dịch D có đơn trình bày và xin xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung khởi kiện: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BA 794787 đã được UBND huyện D cấp cho ông bà Hoàng Công P, Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BK 438355 đã được UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Huy T và vợ là bà Hoàng Thị T, nay đã được chuyển nhượng cho bà Sú Cẩm L. Và đình chỉ với yêu cầu khởi kiện đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 775830 ngày 4/7/2006 cấp cho bà Mai Thị P và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 887100 ngày 11/8/2008 do UBND huyện D cấp cho Ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T theo điểm b khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện D; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị P, ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T, vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ; ông Nguyễn Huy T, bà Hoàng Thị T và đại diện theo ủy quyền ngân hàng S – phòng giao dịch D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính để tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Ngày 10/4/2019, bà Trương Thị Ngọc T có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu hủy GCNQSD đất số AĐ 775830 ngày 4/7/2006 cấp cho bà Mai Thị P và GCNQSD đất số AM 887100 ngày 11/8/2008 do UBND huyện D cấp cho Ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T. Do vậy, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ với yêu cầu khởi kiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 775830 ngày 4/7/2006 cấp cho bà Mai Thị P và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 887100 ngày 11/8/2008 do UBND huyện D cấp cho Ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền*: Người khởi kiện bà T

cho rằng vào tháng 3 năm 2018, sau khi nhận được công văn số 437/UBND-TD ngày 16-3-2018 của UBND huyện D trả lời rằng diện tích đất gia đình đang sử dụng; UBND huyện D đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 775830 cho bà Mai Thị P vào ngày 4/7/2006. Ngày 5/5/2010, thửa đất 456, tờ bản đồ số 28 tách thành hai thửa 503 và thửa 504. Lồng ghép bản đồ địa chính số thửa đất số 503, thửa đất số 504, tờ bản đồ số 28 đo đạc năm 1995 và thửa đất số 24 tờ bản đồ số 29 đo đạc năm 2015. Bà T đang quản lý sử dụng sử dụng thuộc một phần thửa đất 456 tờ bản đồ số 28 đã được UBND huyện D cấp sổ đỏ lần lượt cho bà Mai Thị P, Ông bà Phạm Công C, Đoàn Thị T; ông bà Hoàng Công P, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Huy T bà Hoàng Thị T, bà Sú Cẩm L. Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 của Luật tổ tụng Hành chính; xác định đối tượng “*khiếu kiện QĐ hành chính về quản lý nhà nước về đất đai (yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng pháp luật; Căn cứ Điều 116 Luật tổ tụng Hành chính yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu giải quyết.

[3] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện:

[3.1] Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, hiện trạng sử dụng (*Bút lục 186 a, 187, 190, 191*) thể hiện: Theo hướng quốc lộ 20 từ Đà Lạt đi TP.HCM phía bên trái theo thứ tự là nhà ông P, bà H bên cạnh là nhà bà Sú Cẩm L và giáp nhà bà Lìn là nhà bà T. Ba nhà cấp 4 xây liền kề rõ ràng không xảy ra tranh chấp với nhau, sử dụng ổn định.

[3.2] Qua đo đạc hiện trạng lồng ghép bản đồ cho thấy, bà T đang quản lý sử dụng thửa 24 tờ bản đồ số 29 (*đo đạc năm 2016*) diện tích 256 m² (*chưa trừ lộ giới quốc lộ 20*) áp bản đồ số 28 đo đạc năm 1995 thuộc thửa số 456 sau đó tách thành Thửa đất số 503 và cấp sổ đỏ cho ông Hoàng Công P; Thửa đất số 504 cấp sổ đỏ cho ông Nguyễn Huy T và bà Hoàng Thị T và đăng ký biến động tại trang tư cho bà Sú Cẩm L; lời khai của người bị kiện thể hiện tại công văn số 437/UBND-TD ngày 16/3/2018 (*Bút lục số 36*) và công văn số 120/UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện D (*Bút lục số 120*) cho rằng nguyên nhân do kết quả lồng ghép giữa hai hệ thống bản đồ được đo đạc năm 1995 và năm 2016 có sai sót nhưng do các hộ chuyển nhượng cho nhau nên căn cứ điểm đ, Khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ UBND huyện D không thu hồi sổ đỏ sau khi đã đăng ký biến động.

[3.3] Từ những phân tích trên xác định được UBND huyện D việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BA 794787 đã được UBND huyện D cấp cho ông bà Hoàng Công P, Nguyễn Thị H thửa đất số 503 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BK 438355 đã được UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Huy T và vợ là bà Hoàng Thị T thửa đất số 504 nay đã được chuyển nhượng cho bà Sú Cẩm L là không đúng với vị trí sử dụng đất. Do vậy cần tuyên hủy hai giấy chứng nhận QSD đất này để cấp lại cho đúng vị trí đất của các hộ đang sử dụng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Trương Thị Ngọc T, ông bà Hoàng Công P, Nguyễn Thị H; bà Sú Cẩm L liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp sổ đỏ đúng hiện trạng sử dụng đất đang quản lý canh tác theo đúng quy định pháp luật về đất đai.

[3.4] Liên quan các hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nếu có tranh chấp do các bên thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có đơn khởi kiện để được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục chung.

Liên quan đến hợp đồng thế chấp số LD 1831600550 mở ngày 12/11/2018 giữa ngân hàng S - phòng giao dịch D với bà Sú Cẩm L đối với diện tích 171m² đất thuộc thửa 504, bản đồ 28, các bên đương sự liên hệ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp sổ đỏ đúng hiện trạng sử dụng đất đang quản lý canh tác theo quy định pháp luật thì tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đối với diện tích đất 171m² đất. Nếu có tranh chấp liên quan đến HĐ tín dụng, HĐ thế chấp giữa ngân hàng S - phòng giao dịch D với bà Lìn tự thỏa thuận giải quyết, trường hợp không thỏa thuận được thì thực hiện quyền khởi kiện và được xem xét giải quyết vụ án dân sự khác theo thủ tục chung.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ, bà T yêu cầu xem xét thẩm định; nộp tạm ứng chi phí số tiền 4.954.000 đồng (*bốn triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng*). Bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đã được quyết toán xong, nên phần Quyết định không cần đề cập.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, nên người bị kiện UBND huyện D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật; hoàn trả cho bà T số tiền nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; điểm b khoản 1 Điều 143 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Đình chỉ với yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 775830 ngày 4/7/2006 cấp cho bà Mai Thị P và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 887100 ngày 11/8/2008 do UBND huyện D cấp cho Ông Phạm Công C, bà Đoàn Thị T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc T hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BA 794787 đã được UBND huyện D cấp cho ông bà Hoàng Công P, Nguyễn Thị H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số hiệu BK 438355 đã được UBND huyện D cấp cho ông Nguyễn Huy T và vợ là bà Hoàng Thị T, nay đã được đăng ký biến động tracho bà Sú Cẩm L.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà Trương Thị Ngọc T, ông bà Hoàng Công P, Nguyễn Thị H; bà Sú Cẩm L liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp sổ đỏ đúng hiện trạng sử dụng đất đang quản lý canh tác theo đúng quy định pháp luật về đất đai.

3. Về án phí: Buộc người bị kiện UBND huyện D phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho người khởi kiện bà T số tiền 300.000 nộp tạm ứng án phí hành chính, theo biên lai thu số AA/2016/0012727 ngày 24/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người khởi kiện, người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng người bị kiện, người liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng hành chính.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LD
- Người khởi kiện
- Người bị kiện
- Người liên quan
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

(để
thi
hành)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Văn Hùng